

SỰ HÒA HỢP GIỮA CHỦ NGỮ VÀ ĐỘNG TỪ

(SUBJECT AND VERB AGREEMENTS)

A. LÝ THUYẾT

1. Giới thiệu chung

Về nguyên tắc, chủ ngữ số ít đi cùng động từ số ít và chủ ngữ số nhiều đi cùng động từ số nhiều. Tuy nhiên, đôi khi chủ ngữ còn hòa hợp với động từ tùy theo **ý tưởng diễn đạt** hoặc **danh từ/ đại từ đứng trước theo các quy tắc nhất định**. Trong tiếng Anh, chủ ngữ và động từ phải tương hợp với nhau.

2. Phân loại

a. Động từ chính trong câu chia số ít khi chủ ngữ có:

a.1. Danh từ số ít, hoặc danh từ không đếm được.

Ví dụ:

The **furniture** of this house **was** more expensive than we thought.

(Đồ nội thất của căn nhà này đắt hơn so với suy nghĩ của chúng tôi.)

a.2. **And** nối giữa 2 danh từ chỉ cùng một người, một vật hoặc một ý tưởng

Ví dụ:

My **best friend** and also **my wife** is cooking dinner in the kitchen.

(Bạn thân của tôi và cũng là vợ của tôi đang nấu ăn trong bếp.)

a.3. **Each/Every/ Either/ Neither + N (số ít)**

Ví dụ:

Each student **has** to answer the first question.

(Mỗi học sinh đều phải trả lời câu hỏi đầu tiên.)

Every **shoe has** to be painted with a different colour.

(Mỗi chiếc giày đều phải được sơn màu sắc khác nhau.)

a.4. **Each/ Either/ Neither/ Any/ None + of + danh từ/ đại từ số nhiều**

Ví dụ:

None of the **books** I bought last week **is** interesting.

(Không có cuốn sách nào tôi mua tuần trước thú vị cả.)

a.5. Each/ Every + N_(số ít) + and + each/ every + N_(số ít)

a.6. More than one + danh từ đếm được số ít

a.7. One of + N_(số nhiều)

a.8. Các đại từ bất định như: **Everything** (mọi thứ), **everybody** (mọi người), **anything** (bất cứ thứ gì), **nothing** (không thứ gì), **nobody** (không ai), ...

a.9. Chủ ngữ là danh từ kết thúc bằng s nhưng có nghĩa số ít.

News: (tin tức)

Danh từ chỉ tên môn học, môn thể thao: **athletics** (điền kinh), **mathematics** (toán), **billiards** (bi-a), **dominoes** (đô-mi-nô)

Danh từ chỉ tên các căn bệnh: **mumps** (quai bị), **diabetes** (tiểu đường), ...

Cụm danh từ chỉ tên một số quốc gia: **the Philippines** (nước Phi-lip-pin), **the United States** (Hoa Kỳ), ...

I wonder if **either of** those **ideas** is possible.

(Tôi tự hỏi có ý tưởng nào trong số đó khả thi không.)

Ví dụ:

Each student and **each teacher** **has** a guide book.

(Mỗi học sinh và mỗi giáo viên đều có cuốn sách hướng dẫn)

Ví dụ:

I wasn't the earliest student. **More than one** student **is** in the class.

(Tôi không phải học sinh tới sớm nhất. Có nhiều hơn một học sinh tới lớp.)

Ví dụ:

I'm sorry but **one of** those **children** **has lost** a bag.

(Tôi xin lỗi nhưng 1 trong số những đứa trẻ đó bị mất cặp rồi.)

Ví dụ:

I can't believe that **everybody** **has** been rejected for one reason or another.

(Tôi không thể tin được là mọi người đều bị từ chối vì lý do nào đó.)

Ví dụ:

- No **news** is good news.

(Không có tin tức nào tốt cả.)

- **Mathematics** is one of the hardest subjects in school.

(Môn toán là 1 trong những môn học khó nhất ở trường.)

- **Mumps** is a viral illness, which can cause swelling and tenderness of one or more salivary (parotid) glands.

(Quai bị là một bệnh do virus, có thể gây sưng và đau 1 hay nhiều tuyến nước bọt.)

a.10. Khoảng cách, khoảng thời gian, số tiền và sự đo lường

a.11. Mệnh đề danh từ (**that-clause/ wh-clause**), danh động từ.

- **The United States** has a population of about 325 million.

(Nước Mỹ có khoảng 325 triệu dân.)

Ví dụ:

- **2 dollars** is all I have now.

(2 đô la là tất cả những gì tôi có lúc này.)

(Số tiền đầu tư vào giáo dục mỗi năm đều không đủ.)

- **5 kilometres** is a very long distance for us to walk.

(5km là quãng đường quá dài để chúng ta đi bộ.)

Ví dụ:

Getting to know friends from all over the world **is** one of the best parts of the trip. (Được quen biết nhiều người bạn từ khắp nơi trên thế giới là phần tuyệt vời nhất của chuyến đi này.)

b. Động từ chính trong câu chia số nhiều khi chủ ngữ có:

b.1. Danh từ số nhiều

Ví dụ:

These scissors are so dull that I'm not sure you could slice butter with them.

(Những cái kéo này cùn đến nỗi tôi không chắc là bạn có thể cắt một lát bơ với chúng đâu.)

b.2. **And** nối giữa 2 danh từ chỉ chỉ hai người, hai vật hoặc hai sự việc khác nhau.

Ví dụ:

The subjects and **lesson contents** are decided by the authorities such as the government. (Các môn học và nội dung bài học được quyết định bởi các cơ quan chức năng như chính phủ.)

b.3. **The** + tính từ là danh từ chỉ 1 nhóm người: **the blind** (người mù), **the rich** (người giàu), **the poor** (người nghèo), ...

Ví dụ:

The wealthy are not necessarily happier than **the poor**.

collective Noun

b.4. Các danh từ tập hợp: **police** (cảnh sát),
cattle (gia súc), ...

My family like/likes travelling to Dalat
company

b.5. Chủ ngữ là các lượng từ chỉ số nhiều:
several (một vài), **few** (một vài), **both** (cả
hai), **many** (nhiều), ...

c. Những trường hợp khác:

c.1. Hai Noun/Pronoun kết hợp với nhau
bằng: **with**, **along with** (cùng với), **as well
as** (cũng như), **together with** (cùng với),
accompanied by (kèm theo), **besides** (bên
cạnh), **in addition to** (ngoài ra) thì động từ
được chia với danh từ/ đại từ thứ nhất.

Noun 1 + **with/ along with/ as well as/
together with...** + Noun 2 + Verb (Noun 1)

c.2. Hai danh từ/ đại từ kết hợp với nhau
bằng: **or**, **either... or**, **neither... nor**, **not...
but**, **not only... but also** thì động từ được
chia theo danh từ/ đại từ thứ hai.

Either	or
Neither + N ₁ + nor	+ N ₂ + Verb(N ₂)
Not	but
Not only	but also

c.3. **The number of** + N(số nhiều) → V(số ít)
con số

c.4. **A number of** + N(số nhiều) → V(số nhiều)
some, a few

(Người giàu chưa chắc hạnh phúc hơn
người nghèo.)

Ví dụ:

The **cattle** are grazing in the meadow.
(Những con gia súc đang gặm cỏ trên đồng
cỏ.)

Ví dụ:

Several of the students are absent.
(Có vài học sinh nghỉ học.)

Ví dụ:

My brother **along with** his friends is planning
to throw my mom a birthday party.
(Anh trai tôi cùng bạn anh ấy đang lên kế
hoạch tổ chức tiệc sinh nhật cho mẹ tôi.)

Ví dụ:

Neither my parents **nor** my teacher **wants** me
to become a teacher.
(Cả bố mẹ và các thầy cô đều không muốn tôi
trở thành giáo viên.)

Not only I but also his friends were surprised

Ví dụ:

The number of books in this library is
tremendous.
(Số sách ở thư viện này rất lớn.)

Ví dụ:

c.5. Chủ ngữ là một cụm danh từ được kết hợp bởi hai danh từ thì động từ chia với danh từ thứ nhất.

$N_1 + \text{preposition} + N_2 + V_{\text{theo 1}}$

Các từ như:

All (tất cả)

Some (một vài)

None (không)

Part (một phần)

Half (một nửa)

Most (phần lớn)

Plenty (nhiều)

A lot (nhiều)

Lots (rất nhiều)

Majority (đa số)

Minority (thiểu số)

The last (lần cuối)

The rest (phần còn lại)

The remainder
(phần còn lại)

Phân số (ví dụ: *two thirds, one seventh*)

+ of + N

* $V_{\text{(số ít)}} \text{ nếu } N_{\text{(số ít)}}$

* $V_{\text{(số nhiều)}} \text{ nếu } N_{\text{(số nhiều)}}$

* $No + N_{\text{(số ít)}} \rightarrow V_{\text{(số ít)}}$

* $No + N_{\text{(số nhiều)}} \rightarrow V_{\text{(số nhiều)}}$

- **A number of** students are going to enroll in the course. (Một số sinh viên có dự định đăng ký vào khoá học.)

Ví dụ:

- A box **of** candies is on that table.

(Hộp kẹo ở trên cái bàn đằng kia kia.)

The books on the table are mine.

Ví dụ:

- **A lot of** money was spend on that luxury car.

(Cái xe đó tốn khá nhiều tiền.)

- **A lot of** my friends come from Japan.

(Tôi có rất nhiều bạn đến từ Nhật Bản.)

- **Two thirds of** the city **is** in ruins.

(2/3 thành phố đang bị huỷ hoại.)

- **Half of** the women here **are** your ex-girlfriends.

(Một nửa những người phụ nữ ở đây là bạn gái cũ của cậu đấy.)

Ví dụ:

- **No student passes** the end-of-term test with flying colours. (Không học sinh nào đạt điểm cao trong kì thi cuối kỳ cả.)

- **No students pass** the end-of-term test with flying co-lours. (Không học sinh nào đạt điểm cao trong kì thi cuối kỳ cả.)

B. BÀI TẬP MINH HỌA

Circle one letter to indicate the underlined part that needs correction in each of the following questions.

Câu 1. (Trích “Đề thi THPT QG năm 2018”)

Teenagers is greatly influenced by not only their parents but also their peers.

- A. is B. influenced C. parents D. peers

Câu 2. (Trích “Đề thi minh họa THPT QG năm 2018”)

Every member of the class were invited to the party by the form teacher.

- A. member B. were C. to D. form

Câu 3. (Trích “Đề thi THPT QG năm 2017”)

Measles are an infectious that causes fever and small red spots.

- A. Measles B. are C. infectious D. and

II. BÀI TẬP VẬN DỤNG

I - Give the correct form of verbs in brackets.

- Nearly 40 percent of the people in our town never _____ (vote) in local elections.
- A number of students _____ (have) participated in summer courses this year.
- The number of students who knew the answer to the very first question on the exam _____ (be) very low.
- Every one of the boys and girls in Ernest Hemingway School _____ (know) what to do if the fire alarm rings.
- _____ (be) Portuguese spoken in Brazil?
- A lot of Brazilians _____ (speak) and _____ (understand) Spanish.
- Why _____ (be) the police standing over there?
- Why _____ (do) most of the television stations broadcast news at the same hour?
- Some of the most important books for my report _____ (be) not available in the school library.
- There _____ (have) been times when I have seriously considered dropping out of school.
- Not one of the women in my office _____ (have) received a promotion in the past two years. All of the promotions _____ (have) gone to men.
- The news on the radio and TV stations _____ (confirm) that a serious storm is approaching our city.
- By law, every man, woman, and child _____ (be) guaranteed the right to free speech.

14. Why _____ (be) there a shortage of certified school teachers at the present time?
15. How many states in the United States _____ (begin) with the letter A?
16. Carlos is the only one of those students who _____ (have) lived up to the potential described in the yearbook.
17. Noodles and beef, my favorite dish, _____ (remind) me of my native Vietnam.
18. Six years _____ (be) a long time to spend away from your lover and family.
19. I'm happy that everything _____ (be) in its place.
20. Not only the vitamin C from the cauliflower but also the delicious taste of the vanilla _____ (make) this breakfast cereal a real treat.

II - Circle one letter to indicate the option that best completes each of the following sentences.

1. The leader of that company, along with two of his colleagues and his secretary, _____ accused of fraud yesterday.
 A. were B. was C. is D. are
2. People _____ it when you listen to them and not only talk about yourself.
 A. likes B. like C. liked D. have liked
3. Anyone who has had children _____ the importance of teaching kids self-discipline.
 A. understand B. understands C. was understood D. were understood
4. Be careful! Neither the bread nor the cheese _____ fresh enough to eat.
 A. were B. are C. is D. was
5. Linguistics _____ a diverse range of subjects such as phonetics and stylistics.
 A. embrace B. has embraced C. embraces D. have embraced
6. Pollution together with water erosion _____ its toll on the building.
 A. are taking B. is taking C. have taken D. take
7. The police _____ on the alert for the escaped convict.
 A. are B. have been C. is D. has been
8. The team _____ going back to their homes.
 A. is B. do C. has D. are
9. _____ there any proofs to support the case against Tim?
 A. Was B. Is C. Be D. Are

10. Two third of the land in this rural areas _____ used for community purposes recently.
 A. are B. has C. have D. is
11. Many of the athletes in the race _____ not expect to win the gold medal.
 A. do B. does C. is D. are
12. The Danube river _____ tributaries (around 300).
 A. have many B. have much C. has many D. has much
13. _____ migrated to the US recently.
 A. A number of Chinese have B. A number of Chinese has
 C. The number of Chinese has D. The number of Chinese have
14. Each of the reference _____ available in our school library.
 A. books on that list is B. books on that list are
 C. book on that list is D. book on that list are
15. A number of applicants _____ already been interviewed but none of them are qualified enough.
 A. have B. has C. had D. will have

III - Circle one letter to indicate the underlined part that needs correction in each of the following questions

1. Most workers seems to be happy with their new working conditions.
 A. seems B. with C. new D. conditions
- (Trích đề thi TH PT QG năm 2018)
2. One of my cousins keep a goldfish bowl on his bedroom cupboard.
 A. One B. keep C. bowl D. bedroom
3. None of the money stolen from the bank last month have been found yet.
 A. None B. stolen C. bank D. have
4. The elderly don't enjoy this kind of music, but the young does.
 A. elderly B. don't C. kind D. does
5. Twenty-five minutes are the maximum length of the time allowed for the presentation.
 A. minutes B. are C. length D. allowed
6. Listening to loud music from headphone have caused hearing loss in some teenagers in recent years.
 A. Listening B. have C. loss D. years
7. It is disconcerting to know that every possible candidate have been rejected for some unbelievable reasons.

A. is B. every C. have D. reasons

8. The famous actress, along with her manager and some friends, are going to the birthday party of Justin Bieber.

A. along B. some friends C. are D. of

9. I think, if nobody have bought that car from the dealer, then you should return and make another offer.

A. have B. dealer C. return D. offer.

10. Every pale tomato slice, wilted pickle, and brown lettuce leaf cost an extra 5,000 Vietnam dongs at Fresh Garden.

A. wilted B. lettuce C. cost D. extra

11. Both Ngan and Nhung has agreed to try one of the world-famous chocolate - broccoli muffins.

A. has B. try C. world-famous D. broccoli

12. The Simpsons, along with Harry, wishes to avoid indigestion after eating these weird cakes.

A. wishes B. indigestion C. eating D. cakes

13. On the road is many little cats sunning themselves on the hot concrete.

A. On B. is C. cats D. on

14. Binh isn't going to Lyson Beach for summer break because 1 million Vietnam dongs are all that she has in her vacation fund.

A. isn't B. break C. are D. has

15. Linh is one of those employees who kisses up to the boss every chance that they get.

A. is B. employees C. kisses D. they